|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm 2024 | Họ và tên giáo viên: Phạm Võ Thúy Vân Tổ chuyên môn: Văn- GDCD |

I. MỤC TIÊU1. Về kiến thức:

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA**

 **CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Ngữ văn; lớp: 8A3, 8A2
Thời gian thực hiện: 1 tiết (Tiết 37)

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

2. Về năng lực:

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt.

**3. Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị** dạy học**:**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, ...

**2. Học liệu:**

**-** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (Dự kiến thời gian: 5 phút)

**a) Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Nhìn hình đoán chữ”.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: **“*Nhìn hình đoán chữ*”**: Dùng những từ Hán Việt phù hợp với bức ảnh cho sẵn. Chia thành 2 đội: Mỗi đội đoán 2 từ.

**Câu 1:** CHINH PHỤ



**Câu 2:** Thơ văn đến thế thì thật là **Tuyệt bút.**



**Câu 3: LẠM PHÁT**



**Câu 4: VÔ TẬN**



|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| *Chuyển giao nhiệm vụ*  | - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: **“Nhìn hình đoán chữ”**: Dùng những từ Hán Việt phù hợp với bức ảnh cho sẵn. Chia thành 2 đội: Mỗi đội đoán 2 từ. | Câu 1: Chinh phụCâu 2: Tuyệt bútCâu 3: Lạm phátCâu 4: Vô tận |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | - Học sinh chơi trò chơi “Nhìn hình đoán chữ”. |
| *Kết luận/ nhận định* | GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:Từ Hán Việt chiếm tỷ lệ lớn trong hệ thống ngôn ngữ của nước ta và thường xuyên xuất hiện trong văn nói, văn viết. Tuy nhiên ít ai có thể định nghĩa được từ Hán Việt và có bao nhiêu loại từ Hán Việt. *Bằng việc trả lời các câu hỏi ở trò chơi, các em đã ôn lại kiến thức về yếu tố Hán Việt trong chương trình Ngữ văn lớp 6- 7. Bài học hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt qua tiết học: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT hôm nay nhé!* |

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (Dự kiến thời gian: 5 phút)

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được nghĩa của các yếu tố Hán Việt thông dụng

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi: Nghĩa của các yếu tố Hán Việt thông dụng: *chinh, lạm, tuyệt, vô*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ* |  GV đặt câu hỏi:+ Từ Hán Việt là gì?+ Trình bày ví dụ về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.- Giáo viên yêu cầu HS đọc nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng: *chinh, lạm, tuyệt, vô*- Học sinh tiếp nhận và thực hiện. | **1. Khái niệm** Từ Hán Việt là những từ và ngữ tố tiếng Việt bắt nguồn từ tiếng Hán và những từ tiếng Việt được người nói tiếng Việt tạo ra bằng cách ghép các từ và ngữ tố tiếng Việt gốc Hán lại với nhau. Từ Hán Việt là một bộ phận không nhỏ của tiếng Việt, có vai trò quan trọng và không thể tách rời hay xóa bỏ khỏi tiếng Việt.**2. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng:**- Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:- Chinh- Lạm- Tuyệt- Vô |
| *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* | - Học sinh: đọc, ghi nhớ nghĩa của các yếu tố HV- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi HS khác nhận xét |
| *Bước 3: Báo cáo/ Thảo luận* | HS trả lời miệng, trình bày kết quả |
| *Bước 4: Kết luận/ Nhận định* | - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá- Giáo viên nhận xét, đánh giá |

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (Dự kiến thời gian: 30phút)

a) Mục tiêu: HS thực hành làm bài tập xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.

b) Nội dung: Học sinh làm bài tập SGK/66 -67

c) Sản phẩm: Phần bài tập HS đã làm*.*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ* | *Tìm những từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng sau (cột hai) và giải thích ý nghĩa của những từ đó.* **Trò chơi: TIẾP SỨC**- Chia lớp thành 2 Đội: Mỗi Đội tìm từ ghép Hán Việt cho 5 yếu tố Hán Việt trong thời gian 5 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ghép Hán Việt lên bảng. Sau 5 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà!

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** |
| 1 |  Vô (không) | Vô tình,.. |
| 2 |  Hữu (có) | Hữu duyên,… |
| 3 | Hữu (bạn) | Thân hữu,... |
| 4 | Lạm (quá mức) | Lạm quyền,… |
| 5 | Tuyệt (cực kì, hết mức) | Tuyệt sắc… |
| 6 | Tuyệt (dứt, không còn gì) | Tuyệt giao… |
| 7 | Gia (thêm vào) | Gia vị… |
| 8 | Yếu tố Hán Việt | Gia phong… |

- GV hướng dẫn HS giải thích ý nghĩa của một số từ Hán Việt HS tìm được. | **2. Thực hành Tiếng Việt****Bài tập 1/66 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** |
| **1** |  Vô (không) |  - Vô dụng: Không có tác dụng gì, không dung được vào việc gì cả- Vô tình: không còn tình cảm |
| **2** |  Hữu (có) | - Hữu hiệu: có tác dụng, hiệu lực- Hữu duyên: có duyên với nhau |
| **3** | Hữu (bạn) | - Thân hữu: Bạn bè thân thuộc- Bằng hữu: Bạn bè |
| **4** | Lạm (quá mức) | - Lạm quyền: Làm những việc vượt quá quyền hạn của mình- Lạm thu: Thu quá mức quy định (thường để chiếm làm của riêng) |
| **5** | Tuyệt (cực kì, hết mức) | - Tuyệt sắc: Có nhan sắc tuyệt đẹp, không ai sánh bằng- Tuyệt mĩ: đẹp đến mức không còn có thể hơn |
| **6** | Tuyệt (dứt, không còn gì) | - Tuyệt giao: cắt đứt mọi quan hệ, không đi lại ,giao thiệp với nhau nữa- Tuyệt chủng: Bị mất hẳn nòi giống |
| **7** | Gia (thêm vào) | - Gia nhập: tham gia- Gia tăng: thêm, tăng lên |

 |
| *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* | - Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). |
| *Bước 3: Báo cáo/ Thảo luận* | - Gv chọn 5 bài nhanh nhất.- GV gọi đại diện 2 HS lên trình bày.- HS chấm chéo cho nhau |
| *Bước 4: Kết luận/ Nhận định* | - GV chấm 5 bài nhanh nhất và nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm chung, chốt kiến thức. |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ* | Đặt câu với 3 từ Hán Việt tìm được ở bài tập trên.- GV mời 3 HS lên bảng đặt câu. | **BT 2/67 SGK**- Người **chinh phụ** mòn mỏi chờ chồng đi chinh chiến phương xa.- Nơi đây có phong cảnh đẹp **tuyệt mĩ**.- Loài vật này đang có nguy cơ **tuyệt chủng**. |
| *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* | - 3 HS lên bảng làm bài tập- HS còn lại làm vào vở  |
| *Bước 3: Báo cáo/ Thảo luận* | HS đặt câu, trình bày kết quả. |
| *Bước 4: Kết luận/ Nhận định* | - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá- Giáo viên nhận xét, đánh giá |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ* | **H:** *Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:***a.** *Bức tranh thu từ những gì* ***vô hình*** *(hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyên sang những nét* ***hữu hình****, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vời.*(Vũ Nho, *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)***b.** *Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm,* **thâm trầm***,* ***điềm đạm*** *thêm, mặt khác người ta phải* ***khẩn trương*** *thêm, gấp gáp thêm.*(Vũ Nho, *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)***c.** *Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phu giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyên qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm thì đứng trước nguy cơ* ***tuyệt chủng****.*(Phan Anh Hải, *Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên ờ Việt Nam và thế giới)***d***. Đối với* ***đồng bào*** *tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lủá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.*(Xi-át-tô, *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)***Tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN**- GV phát phiếu học tập nối cột A và B sao cho đúng. Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút. Giáo viên lấy 5 bài hoàn thành nhanh nhất để chấm. Các HS còn lại chấm chéo cho nhau theo bàn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **Đáp án** |
| 1. Vô hình | **a**. Chỉ những người cùng một nòi giống, cùng một dân tộc. | **1-c** |
| 2. Thâm trầm | **b**. Hết sức tranh thủ thời gian để mau chóng đạt kết quả | **2-f** |
| 3. Điềm đạm | **c**. Không nhìn thấy hình thể | **3-d** |
| 4. Khẩn trương | **d**. Luôn từ tốn, nhẹ nhàng, không gắt gỏng, nóng nảy. | **4-b** |
| 5. Tuyệt chủng | **e**. Mất hẳn nòi giống. | **5-e** |
| 6. Đồng bào | **f**. Sâu sắc và kín đáo, không để lộ tâm tư ra bên ngoài. | **6-a** |
| 7. Hữu hình | **g.** Nhìn thấy hình thể | **7-g** |

 | **BT3/67 SGK****- Vô hình:** Không nhìn thấy hình thể.- **Hữu hình**: nhìn thấy hình thể.- **Điềm đạm**: Luôn từ tốn, nhẹ nhàng, không gắt gỏng, nóng nảy.- **Thâm trầm**: Sâu sắc và kín đáo, không để lộ tâm từ ra bên ngoài.- **Khẩn trương**: Hết sức tranh thủ thời gian để mau chóng đạt kết quả.- **Tuyệt chủng**: Mất hẳn nòi giống- **Đồng bào**: Chỉ những người cùng một nòi giống, cùng một dân tộc. |
| *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* | - Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.**GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). |
| *Bước 3: Báo cáo/ Thảo luận* | - Gv chọn 5 bài nhanh nhất.- GV gọi đại diện 2 HS lên trình bày.- HS chấm chéo cho nhau |
| *Bước 4: Kết luận/ Nhận định* | - GV chấm 5 bài nhanh nhất và nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm chung, chốt kiến thức. |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ* | **H:** *Trong câu sau, nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?* Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhã khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. *(Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)* (- Trong đoạn văn, nếu thay từ “*hoang dã”* bằng từ *“mông muội”* thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì:- *Hoang dã*: có tính chất tự nhiên của núi rừng, xa đời sống của xã hội loài người.- *Mông muội*: + Giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của xã hội nguyên thủy, khi con người sống chủ yếu bằng hái lượm.+ Ngu dại, tối tăm ( văn bản dùng nghĩa thứ 2) | **BT4/ 67 SGK**\* Nếu thay, ý nghĩa của đoạn văn sẽ bị thay đổi. Vì:- Từ *mông muội* mang nghĩa thứ 2 là ngu dại, tối tăm sẽ mang sắc thái nghĩa tiêu cực, còn từ *hoang dã* thì mang sắc thái nghĩa trung hòa. |
| *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* | - HS trao đổi ý kiến thảo luận nhóm bàn. |
| *Bước 3: Báo cáo/ Thảo luận* | HS trả lời, trao đổi ý kiến, kết quả thảo luận. |
| *Bước 4: Kết luận/ Nhận định* | - GV nhận xét, đánh giá. |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ* | **H:**Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh hoạ:a. Vô tư/vô ý thứcb. Chinh phu/ chinh phụa. \*Vô tư: không lo nghĩ gì - Bạn nhỏ đó tính tình rất hồn nhiên, vô tư.\*Vô ý thức: không có chủ định, không biết rõ mình đang làm là không đúng, là sai trái - Xả rác bừa bãi là hành vi vô ý thức.b. \* Chinh phu: Người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.- Người chinh phu chinh chiến ngoài mặt trận.\* Chinh phụ: Vợ của người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.- “Chinh phụ ngâm” là tác phẩm tố cáo chiến tranh phi nghĩa thời phong kiến. | **BT5/ 67 SGK**a. \*Vô tư: không lo nghĩ gì - Bạn nhỏ đó tính tình rất hồn nhiên, vô tư.\*Vô ý thức: không có chủ định, không biết rõ mình đang làm là không đúng, là sai trái - Xả rác bừa bãi là hành vi vô ý thức.b. \* Chinh phu: Người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.- Người chinh phu chinh chiến ngoài mặt trận.\* Chinh phụ: Vợ của người đàn ông đi đánh trận thời phong kiến.- “Chinh phụ ngâm” là tác phẩm tố cáo chiến tranh phi nghĩa thời phong kiến. |
| *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* | - HS trao đổi ý kiến thảo luận nhóm bàn |
| *Bước 3: Báo cáo/ Thảo luận* | HS trả lời, trao đổi ý kiến, kết quả thảo luận. |
| *Bước 4: Kết luận/ Nhận định* | - GV nhận xét, đánh giá. |

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG (Dự kiến thời gian 5 phút)*(Có thể giao về nhà)*

**a) Mục tiêu**: HS sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành tiếng Việt để hoàn thiện được một đoạn văn ngắn có sử dụng từ Hán Việt.

**b) Nội dung:** Viết đoạn văn ngắn với chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.

**c) Sản phẩm:** Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*  | Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.  | **-** Về hình thức:1 đoạn văn, đúng nội dung yêu cầu- Nội dung: + Đề tài tự chọn+ Có sử dụng từ Hán Việt (gạch chân)+ Có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn |
| *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ* | HS thực hiện nhiệm vụ (Viết đoạn văn) |
| *Bước 3: Báo cáo/ Thảo luận* | **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS. |
| *Bước 4: Kết luận/ nhận định* | - Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (kĩ thuật phòng tranh) |

***Đoạn văn tham khảo***

 Hiện nay, bao bì ni lông là vật dụng không thể thiếu đối với đời sống con người. Vì nó nhẹ, rẻ lại tiện lợi nên đáp ứng hầu hết các nhu cầu khác nhau trong đời sống. Tuy nhiên, do **lạm dụng** bao bì ni lông nên đã để lại những hậu quả **vô cùng** nghiêm trọng. Bao bì ni lông có tính chất không phân hủy. Nếu lẫn vào đất thì đất đai sẽ bị xói mòn, rơi xuống cống sẽ gây tắc nghẽn, ngập lụt, trôi ra biển sẽ làm chết các sinh vật khi chúng bị nuốt phải… Tình trạng xả rác thải nhựa bừa bãi**, vô ý thức** khiến môi trường bị ô nhiễm nặng nề. Do đó, chúng ta cần hạn chế **sử dụng** bao bì ni lông và có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Ôn lại kiến thức về từ Hán Việt. Hoàn thành và xem lại các bài tập.

- Chuẩn bị bài mới:

*Đọc kết nối chủ điểm:* Bài Ca Côn Sơn (Nguyễn Trãi)

*Đọc mở rộng theo thể loại:* Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI (Chương Thâu)